

Bản án số: 08/2018/HS-PT
Ngày 24 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái.

Ông Nguyễn Duy Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 115/2017/HSPT ngày 25/12/2017 đối với bị cáo Vương Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HSST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện D.

Bị cáo có kháng cáo:

Vương Văn T, sinh năm 1936. Trú quán: Thôn P, xã A, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc; văn hóa: 5/10; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Vương Văn Th (đã chết) và bà Đào Thị Ch (đã chết); vợ là Đinh Thị C và 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần D1, Luật sư - Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt)

Người bị hại: Chị Vương Thị M, sinh năm 1980. Trú quán: Thôn L, xã Ph, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi của người bị hại: Bà Kim Hồng K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D và Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HSST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08/5/2017, chị Vương Thị M cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Đ đang gặt lúa tại thửa ruộng số 11.6, tờ bản đồ số 25, diện tích 120m² ở xứ đồng B, thuộc Thôn P, xã A, huyện D thì T đi xe đạp điện đến. Do trước đó giữa T và gia đình bà Đ đã có tranh chấp thửa ruộng này và được Tòa

án nhân dân hai cấp tỉnh Vĩnh Phúc xét xử. Tại Bản án phúc thẩm số 34/2013/DS-PT ngày 26/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định Vương Văn T phải trả cho gia đình bà Đ thừa ruộng trên. Tuy nhiên, T không đồng ý và cho rằng thửa ruộng này vẫn đang có tranh chấp. Khi đến gần chỗ bà Đ, chị M đang gặt lúa T yêu cầu bà Đ không được gặt lúa vì ruộng đang tranh chấp, bà Đ yêu cầu T mời chính quyền địa phương ra giải quyết thì T bỏ đi. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày T đi qua vẫn thấy bà Đ và chị M đang gặt lúa dưới ruộng nên T đi về nhà. Sau đó, T vác theo một chiếc cuốc cán bằng tre dài 1,31m, đầu to có đường kính 4,5cm, đầu nhỏ có đường kính 3,7cm đi ra cánh đồng B. Khi đi đến vị trí chiếc xe lôi chở lúa của mẹ con chị M để bên trái lề đường TL 306 theo chiều từ xã Ph đi xã A thì lúc này chị M ôm lúa đi từ dưới ruộng lên xếp vào xe lôi. T bảo chị M không được chở lúa về, dẫn đến hai bên xảy ra cãi nhau. T cầm cuốc bổ vào bánh xe lôi làm lưỡi cuốc tuột văng sang thửa ruộng của nhà bà Đỗ Thị I ở bên kia đường TL 306. Khi chị M đi về phía sau xe lôi, đứng đối diện với T cách khoảng 1m thì bị T hai tay cầm cán cuốc đánh nhiều cái vào người chị M. Chị M giằng co cán cuốc vật lộn với T khiến cả hai ngã xuống góc ruộng nhà bà H. Lúc này, bà Đ đã giằng lấy cán cuốc trong tay T vứt bỏ xuống ruộng và cùng anh Vương Minh N vào can ngăn không cho hai người đánh nhau nên T bỏ đi về. Chị M được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Trung tâm y tế huyện D đến ngày 10/5/2017 chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc điều trị tiếp đến ngày 18/5/2017 ra viện.

Ngày 14/5/2017 chị M có đơn đề nghị giám định thương tích và khởi tố đối với Vương Văn T.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 158/TgT ngày 19/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo phần mềm màu nâu nhạt ở 1/3 trên giữa vùng ngực, xếp 1%; chấn động não, xếp 1%. Còn các vết thương thâm da ở 1/3 trên mặt trong cẳng chân trái, kích thước (2,5x1,5)cm, 1/3 dưới mặt trong cẳng chân trái, kích thước (6x2)cm không nằm trong danh mục xếp tỷ lệ phần trăm (%) thương tích. Cơ chế hình thành thương tích có thể do vật tày gây nên.

Kết luận: Tổn hại sức khỏe về thương tích của chị Vương Thị M ở thời điểm hiện tại là: 2% (hai phần trăm) bằng phương pháp cộng lùi.

Quá trình điều tra tại biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2017 T khai do không đồng ý việc gia đình bà Đ canh tác trên thửa ruộng đang có tranh chấp và do chị M cầm gạch đá lao vào T nên T trong tư thế đối diện, cách chị M khoảng hơn 1m dùng cán cuốc vung lên đánh một cái vào tay chị M (Bút lục số 50). Biên bản ghi lời khai ngày ngày 28/6/2017; 12/7/2017 T khai dùng cán cuốc đánh vào người chị M nhưng không xác định được đánh trúng vào vị trí nào (Bút lục số 51, 53). Biên bản hỏi cung bị can ngày 04/9/2017 T thừa nhận thương tích của chị M là do lỗi của T. Tuy nhiên, các biên bản hỏi cung ngày

21/7/2017; ngày 04/9/2017 và các bản kiểm điểm, bản tường trình; bản tự khai; khi nhận Kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố T đều không nhận tội và có đơn kêu oan.

Lời khai của người bị hại chị Vương Thị M khai bị T cầm cán cuốc đánh gây ra vết thương ở vùng ngực, cẳng chân trái và các vết bầm tím ở mặt, bàn tay trái của chị.

Lời khai của những làm chứng ông Trần Văn F, anh Vương Minh N, ông Ngô Duy Tr, ông Vương Văn C1 và bà Nguyễn Thị Đ đều khai nhìn thấy bị cáo hai tay cầm cán cuốc đánh về phía chị M nhưng không biết đánh trúng vị trí nào trên cơ thể.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HSST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Vương Văn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h,m,p khoản 1 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Vương Văn T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật dân sự, tuyên: Buộc bị cáo Vương Văn T phải bồi thường cho chị Vương Thị M số tiền 8.300.000đ (*Tám triệu ba trăm nghìn đồng*) gồm các khoản: Tiền thu nhập trong thời gian điều trị tại bệnh viện của chị M; tiền thu nhập của người chăm sóc trong thời gian chị M điều trị tại bệnh viện và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lỗi chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo và tính án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 01/12/2017 bị cáo Vương Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung: Bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích”; không đồng ý bồi thường cho chị Vương Thị M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện D.

Người bào chữa của bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên có gửi bản luận cứ, theo đó không có thay đổi gì về phần bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Giữ nguyên quan điểm bảo vệ tại phiên tòa sơ thẩm, không bổ sung ý kiến nào khác.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra lời khai của bị cáo T có sự thay đổi, mâu thuẫn, không thống nhất. Có lời khai bị cáo nhận tội, có lời khai chối tội, kêu oan. Tuy nhiên, các tài liệu mà bị cáo giao nộp tại giai đoạn phúc thẩm không liên quan đến vụ án. Bị cáo không có tài liệu nào chứng minh việc khởi tố, điều tra và truy tố là không đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận vào ngày 08/5/2017 bị cáo có dùng cán cuốc đánh chị M, tuy nhiên sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã xin lỗi chị M cũng như chấp nhận bồi thường cho chị số tiền là 2.000.000đồng. Theo bị cáo đây chỉ là vụ việc dân sự, nên việc tuyên bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không có cơ sở. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm, giấy cam đoan của bị cáo tại các bút lục 21, 48, 49, 50, 51, 53, 68 có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của những người làm chứng (BL từ 187 đến 230), phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định pháp y về thương tích, vật chứng của vụ án, kết quả khám nghiệm hiện trường và thực nghiệm điều tra. Do vậy đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/5/2017 tại Thôn P, xã A, huyện D, bị cáo T đã có hành vi dùng cán cuốc đánh nhiều cái vào người chị M, gây thương tích cho chị M. Tổn hại sức khỏe tại thời điểm giám định là 2%.

Như vậy Tòa án nhân dân huyện D đã xét xử Vương Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan sai. Do đó kháng cáo kêu oan của bị cáo không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Như đã phân tích ở trên, thương tích của chị M là do bị cáo gây nên, vì vậy buộc bị cáo bồi thường cho chị M theo quy định tại Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có cơ sở. Cấp sơ thẩm đã xem xét các khoản chi phí và buộc bị cáo phải bồi thường cho chị M tổng số tiền là 8.300.000đồng là phù hợp. Do đó nội dung kháng cáo không chấp nhận bồi thường của bị cáo không được chấp nhận.

Như vậy các nội dung kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2017/HSST ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện D.

Tuyên bố bị cáo Vương Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, m, p khoản 1 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt Vương Văn T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/11/2017. Giao Vương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc Vương Văn T phải bồi thường cho chị Vương Thị M số tiền 8.300.000đ (*Tám triệu ba trăm nghìn đồng*) gồm các khoản: Tiền thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị tại bệnh viện của chị M; tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian chị M điều trị tại bệnh viện và tiền bù đắp tổn thất về tinh thần.

Kể từ ngày chị Vương Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Vương Văn T không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu để tiêu huỷ 01 đôi dép tổ ong màu trắng, đã cũ; 01 chiếc gậy (cán cuốc bằng tre dài 1,31m; đầu to có đường kính 4,5cm; đầu nhỏ có đường kính 3,7cm).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Vương Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, 415.000đ (*Bốn trăm mười lăm nghìn đồng*) án phí dân sự trong hình sự và 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện D;
- TAND huyện D;
- Công an huyện D;
- UBND xã A, huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Tòa HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Quang Hùng